

ĐẤT NƯỚC - NHÂN VẬT

HUẾ TRONG TÂM THỨC NAM BỘ
HAY LÀ KÝ ỨC LƯU DÂN

Lê Công Lý*

Quá trình Nam tiến của người Việt diễn ra khá sớm, ngay từ năm 1306, khi vua Trần Anh Tông gả công chúa Huyền Trân cho vua Chế Mân nước Chiêm Thành để đổi lấy châu Ô và châu Lý (nay là vùng đất Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế). Đến triều vua Lê Thánh Tông (1460 - 1497), vị vua hùng lẫm trong lịch sử phong kiến Việt Nam, công cuộc Nam tiến được đẩy mạnh hơn bao giờ hết. Đến năm 1471, biên giới Đại Việt kéo dài đến hết tỉnh Phú Yên ngày nay. Vùng đất từ đèo Hải Vân tới Phú Yên được vua đặt là thừa tuyên Quảng Nam, và tăng cường di dân Việt từ miền Bắc vào để lập nghiệp.

Đến năm 1558, khi chúa Nguyễn Hoàng tưng thế xin vào trấn thủ Thuận Hóa, rồi gây dựng lực lượng để chống lại chúa Trịnh ở Đàng Ngoài, thì quá trình Nam tiến ở Đàng Trong buộc phải được đẩy mạnh hơn bao giờ hết để tạo hậu phương chống lại Đàng Ngoài.

Do đó, bước sang các thế kỷ XVII và XVIII, chúa Nguyễn dùng kế *tầm thực* (tầm ăn lá dâu) lần lượt thôn nạp từng vùng đất phía Nam của Chân Lạp và di dân người Việt đến lập nghiệp mà các mốc quan trọng là:

- Năm 1623 chúa Nguyễn Phúc Nguyên lập 2 trạm thu thuế ở Sài Gòn và Bến Nghé.

- Năm 1679, chúa Nguyễn Phúc Tần cho di dân Hoa kiều lập Biên Hòa đại phố và Mỹ Tho đại phố.

- Năm 1698, chúa Nguyễn Phúc Chu phái quan Chương cơ Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược đất Gia Định, sắp đặt bộ máy hành chánh cấp dinh trấn, lập huyện Phước Long thuộc dinh Trấn Biên và huyện Tân Bình thuộc dinh Phiên Trấn.

- Năm 1732 chúa Nguyễn Phúc Thụ dựng dinh Long Hồ. Dinh Long Hồ quản trị châu Định Viễn (vùng đất Tân An, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long và Sa Đéc hiện nay).

- Năm 1757, chúa Nguyễn Phúc Khoát thôn nạp đất Tầm Phong Long (nay là tỉnh An Giang).

* Chi hội Văn nghệ dân gian tại Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng thời điểm này, triều đình chúa Nguyễn lại bắt đầu suy thoái, quyền thần Trương Phúc Loan lộng hành, quân Trịnh nhân cơ hội đó vượt Sông Gianh vào Nam xâm lấn. Rồi Tây Sơn khởi nghĩa. Vùng đất miền Trung vốn khắc nghiệt lại sa vào nội chiến khốc liệt giữa nhiều tập đoàn phong kiến: Trịnh > < Nguyễn; Tây Sơn > < Nguyễn; và nội bộ nhà Tây Sơn cũng xâu xé nhau.

Tình huống muôn vàn khó khăn như thế ở miền Trung cộng với điều kiện thiên nhiên và xã hội ưu đãi ở phía Nam chính là chất xúc tác đẩy lưu dân Việt từ miền Trung làm cuộc Nam tiến lần thứ 2 để đi tìm con đường sống.

Các đoàn lưu dân này chủ yếu từ vùng Thuận Hóa - Quảng Nam. Họ phải đi vào Nam để tránh cái họa chiến tranh và thiên tai hạn hán, bão lụt ác nghiệt của miền Trung. Họ thường đi bằng ghe bầu men theo bờ biển để vào Nam, theo các cửa sông để vào đất liền rồi len lỏi theo các con rạch tự nhiên tìm đến các giồng cát cao ráo để khai hoang lập nghiệp. Ban đầu hầu hết đồng bằng Tây Nam Bộ, nhất là vùng trũng Đồng Tháp Mười còn hoang vu, nước đọng quanh năm do chưa có kênh rạch thoát nước, do đó các đoàn di dân phải chọn các giồng đất cao ráo để định cư.

Cư dân Việt ở Nam Bộ hiện nay chủ yếu là hậu duệ của các nhóm lưu dân này. Tổ tiên họ ra đi từ miền Trung, nơi có Huế là thủ phủ, nên trong tâm thức truyền đời họ luôn hướng về Huế như là nguồn cội.

Các đoàn lưu dân chủ yếu là nông dân, ngư dân (một số là tù phạm, lính đào ngũ, quan lại bị biếm, Nho sĩ hỏng thi...) nên họ vốn có tâm lý bám đất bám làng,⁽¹⁾ nhưng vì tình thế bắt buộc phải ra đi. Khi vừa đến xứ lạ quê người, họ luôn cảm thấy bất an:

*Ra đi dao bẫy giắt lưng,
Ngó sông sông rộng, ngó rừng rừng cao.*

(Ca dao)

Thậm chí luôn phập phồng lo sợ:

*Tới đây xừ sở lạ lùng,
Con chim kêu cũng sợ, con cá vùng cũng kinh.*

(Ca dao)

Do đó, tuy ở vùng đất mới nhưng họ vẫn hoài niệm về cố hương, thể hiện trên nhiều khía cạnh.⁽²⁾

1. Tâm thức Huế qua địa danh

Nỗi nhớ quê khiến lưu dân đã “*gánh theo tên xã tên làng trong mỗi chuyến di dân*”,⁽³⁾ họ thường lấy tên làng quê cũ để đặt tên cho thôn làng vừa lập ở vùng đất mới.

Thật vậy, ngay từ những đợt lưu dân đầu trên đất Đồng Nai - Gia Định (nay là Nam Bộ) đã thấy xuất hiện ở đây nhiều địa danh cũ của Huế.

Địa danh ở Nam Bộ & địa chỉ	Thời điểm ⁽⁴⁾	Địa danh tương ứng ở miền Trung
(1)	(2)	(3)
<i>An Hòa</i> (lân), tổng (tg) Bình Trị, huyện (h) Bình Dương, phủ (p) Tân Bình, trấn (tr) Phiên An. Ngoài ra còn 33 địa danh trùng tên này. Nay: tên nhiều xã, phường ở Nam Bộ.	Thời Gia Long	Làng An Hòa, tg. An Hòa, h. Hương Trà, p. Thừa Thiên (1774). ⁽⁵⁾
<i>An Lộc</i> (thôn), tg. Bình Trị, h. Bình Dương, p. Tân Bình, tr. Phiên An. Ngoài ra còn 11 địa danh trùng tên này. Nay: tên thị trấn (TT.), h. Bình Long, t. Bình Phước.	Thời Gia Long	Thôn An Lộc, tg. Dã Lê, h. Phú Vang, p. Thừa Thiên (1776).
<i>An Ninh</i> (thôn), tg. Bình Cách Trung, h. Thuận An, p. Tân Bình, t. Gia Định. Ngoài ra còn 10 địa danh trùng tên này. Nay: tên xã, h. Mỹ Tú, t. Sóc Trăng.	Thời Minh Mạng	Làng An Ninh Thượng, An Ninh Hạ, tg. An Ninh, h. Hương Trà, p. Thừa Thiên (1774).
<i>An Phú</i> (thôn), tg. Dương Hòa, h. Bình Dương, p. Tân Bình, tr. Phiên An. Ngoài ra còn 29 địa danh trùng tên này. Nay: tên nhiều xã ở Nam Bộ.	Thời Gia Long	Làng An Phú, tg. An Thành, h. Quảng Điền, p. Thừa Thiên (cuối thế kỷ XVIII).
<i>An Thành</i> (tổng), h. Đông Xuyên, p. Tuy Biên, t. An Giang. Ngoài ra còn 15 địa danh trùng tên này.	Thời Minh Mạng	Làng An Thành, tg. An Thành, h. Quảng Điền, p. Thừa Thiên (cuối thế kỷ XVIII).
<i>Bình Lãng</i> (thôn), tg. Thuận Đạo, h. Thuận An, p. Tân Bình, tr. Phiên An. Nay: tên ấp, TT. Tân Trụ, h. Tân Trụ, t. Long An.	Thời Gia Long	Làng Bằng Lãng (tên gốc: Bình Lãng), tg. Kim Long, h. Hương Trà, p. Thừa Thiên (1774).
<i>Bình Trị</i> (tổng), h. Bình Dương, p. Tân Bình, tr. Phiên An. Ngoài ra còn 15 địa danh trùng tên này. Nay: tên phường, ⁽⁶⁾ Q. Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.	Thời Gia Long	Làng Bình Trị, h. Kim Trà, p. Thừa Thiên. Nay: thôn Vĩnh Trị, x. Hải Dương, h. Hương Trà (1555).
<i>Long Hồ</i> (dinh), châu Định Viễn. Ngoài ra còn 3 địa danh trùng tên này. Nay: tên huyện, t. Vĩnh Long.	1732	Làng Long Hồ, h. Kim Trà, p. Thừa Thiên (1555).
<i>Mỹ An</i> (thôn), tg. Thành Tuy, h. Long Thành, p. Phước Long, tr. Biên Hòa. Ngoài ra còn 23 địa danh trùng tên này. Nay: tên nhiều xã ở Nam Bộ.	Thời Gia Long	Phường Mỹ An, tg. Vi Dã, h. Hương Trà, p. Thừa Thiên (thời Gia Long).
<i>Phong Điền</i> (rạch, chợ ⁽⁷⁾ [nổi]), thôn Nhơn Ái, ⁽⁸⁾ tg. Định Bảo, quận Châu Thành, t. Cần Thơ. Ngoài ra còn 2 địa danh trùng tên này. [Xem: <i>Trường Tiền</i> (cầu)]. Nay: tên huyện [+ thị trấn, cùng huyện], TP. Cần Thơ; tên xã, h. Trần Văn Thời, t. Cà Mau.	Cuối thế kỷ XIX	Huyện Phong Điền, p. Triệu Phong, tr. Thuận Hóa (1834).
<i>Phú An</i> (thôn), tg. Tân Phong, h. Tân Long, p. Tân Bình, tr. Phiên An. Ngoài ra còn 29 địa danh trùng tên này. Nay: tên nhiều xã ở Nam Bộ.	Thời Gia Long	Xã Phú An, tg. Phú Xuân, h. Hương Thủy, p. Thừa Thiên (cuối thế kỷ XVIII).

(1)	(2)	(3)
<i>Phú Cường</i> (thôn), tg. Bình Điền, h. Bình An, p. Phước Long, t. Biên Hòa. Ngoài ra còn 4 địa danh trùng tên này. Nay: tên nhiều xã ở Nam Bộ.	1808	Phường Phú Cường, tg. Diêm Trường, h. Phú Vang, p. Thừa Thiên (cuối thế kỷ XVIII).
<i>Phú Quý</i> (thôn), tg. An Bảo, h. Tân An, p. Định Viễn, trấn Vĩnh Thanh. Ngoài ra còn 3 địa danh trùng tên này. Nay: tên nhiều xã ở Nam Bộ.	Thời Gia Long	Phường Phú Quý, tg. Dương Nỗ, h. Phú Vang, p. Thừa Thiên (cuối thế kỷ XVIII).
Phú Xuân (thôn), tg. Phước Chánh, h. Phước Long, p. Gia Định. Ngoài ra còn 11 địa danh trùng tên này. Nay: tên nhiều xã ở Nam Bộ.	Cuối thế kỷ XVIII	Xã Phú Xuân, tg. Phú Xuân, h. Hương Thủy, p. Thừa Thiên (1776).
<i>Phước An</i> (tổng), h. Phước Long, dinh Trấn Biên, phủ Gia Định. Ngoài ra còn 19 địa danh trùng tên này. Nay: tên nhiều xã ở Nam Bộ.	1698	Phường Phước An, tg. Dương Nỗ, h. Phú Vang, p. Thừa Thiên (cuối thế kỷ XVIII).
<i>Phước Lâm</i> (thôn), tg. Lộc Thành, h. Phước Lộc, p. Tân Bình, tr. Phiên An. Ngoài ra còn 2 địa danh trùng tên này. Nay: tên xã, h. Cần Giuộc, t. Long An.	Thời Gia Long	Thôn Phước Lâm, tg. An Ninh, h. Hương Trà, p. Thừa Thiên (1774).
<i>Phước Long</i> (huyện), dinh Trấn Biên, p. Gia Định. Ngoài ra còn 17 địa danh trùng tên này. Nay: tên TX, t. Bình Phước.	1698	Làng Phước Long, tg. Đường Pha, h. Phú Vang, p. Thừa Thiên (cuối thế kỷ XVIII).
<i>Tân An</i> (phủ), t. Phiên An. Ngoài ra còn 65 địa danh trùng tên này. Nay: tên thành phố, t. Long An.	Thời Minh Mạng	Phường Tân An, tg. Dương Nỗ, h. Phú Vang, p. Thừa Thiên (1776).
<i>Thiên Mục</i> (thuộc, ⁽⁹⁾ [khố] trường biệt nạp ⁽¹⁰⁾), p. Gia Định. Nay: chùa Thiên Mục, x. Mỹ Lộc, ⁽¹¹⁾ h. Cần Giuộc, t. Long An; chùa Thiên Mục, x. Tân Trạch, h. Cần Đức, t. Long An.	1741	Chùa Thiên Mục, xã Hương Long, TP. Huế.
Trường Tiền (cầu), xã Mỹ Khánh, h. Phong Điền, TP. Cần Thơ. Cầu nằm cạnh chợ Phong Điền.	Thế kỷ XIX/ XX	Bãi Trường Tiền (1776), cầu Trường Tiền, phố Trường Tiền, TP. Huế.
<i>Vĩnh An</i> (tổng), châu Định Viễn. Ngoài ra còn 18 địa danh trùng tên này. Nay: tên nhiều xã ở Nam Bộ.	Thế kỷ XVIII	Làng Vĩnh An, tg. Phò Trạch, h. Hương Trà, p. Thừa Thiên (1774).
<i>Vĩnh Lộc</i> (thôn), tg. Lộc Thành Trung, h. Phước Lộc, p. Tân Bình, t. Gia Định. Ngoài ra còn 7 địa danh trùng tên này. Nay: tên nhiều xã ở Nam Bộ.	Thời Minh Mạng	Làng Vĩnh Lộc, tg. Mậu Tài, h. Phú Vang, p. Thừa Thiên (cuối thế kỷ XVIII).
<i>Vĩnh Xương</i> (thôn), tg. Thành Tuy, h. Long Thành, p. Phước Long, tr. Biên Hòa. Ngoài ra còn 3 địa danh trùng tên này. Nay: tên xã, h. Tân Châu, t. An Giang.	Thời Gia Long	Làng Vĩnh Xương, tg. Vĩnh Xương, h. Hương Trà, p. Thừa Thiên (1774).



Hình 1: Chùa Thiên Mục, xã Tân Trạch, Cần Đức, Long An. Ảnh: Lê Công Lý.



Hình 2: Chùa Thiên Mục, xã Mỹ Lộc, Cần Giuộc, Long An. Ảnh: Lê Công Lý.

Cũng có thể sự lặp lại nhiều địa danh ở Huế trên đất Nam Bộ chỉ là sự trùng hợp tình cờ, do tâm lý người dân và chính quyền thời nào cũng mong đợi sự yên ổn và phồn thịnh (thể hiện qua các từ như: *An, Hòa, Ninh, Phú, Thành, Trị*, v.v.). Nhưng với số lượng lớn (hơn 23 địa danh) được lặp lại như vậy thì chắc chắn là không thể hoàn toàn tình cờ mà phải có phần chủ ý, nhất là đối với các địa danh đặc biệt như: Phong Điền, Thiên Mục, Trường Tiền, v.v...



Hình 3: Cầu Cống Quế [Huế], xã Mỹ Hạnh Đông, huyện Cai Lậy, Tiền Giang. Ảnh: Lê Công Lý.

Tuy nhiên, dễ thấy rõ hơn là hiện tượng ở Nam Bộ hiện nay vẫn còn rất nhiều địa danh có yếu tố *Huế*. Chẳng hạn:

- Cầu Huế: x. Thới Bình, h. Thới Bình, t. Cà Mau.
- Cống Huế: x. Phú Cường, h. Cai Lậy, t. Tiền Giang.
- Cống Huế: x. Mỹ Hạnh Đông, h. Cai Lậy, t. Tiền Giang.
- Hồ Tĩnh Tâm: tên khác của hồ Nước Ngọt, TP. Sóc Trăng, t. Sóc Trăng.
- Kinh Huế: TT. Rạch Gốc, h. Ngọc Hiển, t. Cà Mau.
- Kinh Huế: x. Đông Hưng, h. Cái Nước, t. Cà Mau.
- Rạch Thầy Huế: h. Long Hồ, t. Vĩnh Long.
- Xóm Huế: Tx. Phước Long, t. Bình Phước.
- Xóm Huế: x. Định Bình, TP. Cà Mau, t. Cà Mau.
- Xóm Huế: x. Khánh Bình Tây Bắc, h. Trần Văn Thời, t. Cà Mau.

- Xóm Huế: x. Khánh Hải, h. Trần Văn Thời, t. Cà Mau.
- Xóm Huế: x. Tân An Hội, h. Củ Chi.
- Xóm Huế: x. Tân An Hội, h. Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các địa danh có yếu tố *Huế* nêu trên phần lớn do lớp cư dân đầu tiên là người Huế vào Nam định cư lập nghiệp. Tuy nhiên, cũng có nhiều trường hợp cư dân đến đó lập nghiệp không phải người Huế mà là người thuộc các tỉnh khác thuộc miền Trung, thậm chí thuộc miền Bắc, nhưng do trong tâm thức cư dân Nam Bộ, vùng đất từ Bình Thuận trở ra Bắc đều gọi chung là *Huế*, nên các nhóm cư dân đến trước vẫn gọi những người này là dân Huế. Bởi lẽ, trong suốt 400 năm Huế chính là kinh đô của Đàng Trong và sau đó là của cả nước. Dân Nam Bộ có đi làm quan, đi thi Hội hay kiện tụng, v.v. thì thường chỉ đi đến Huế là cùng. Do đó, ở Nam Bộ có quán ngữ *đi tới Huế ý nói đi rất xa*:

*Chừng gần ngoài Huế cũng gần,
Chừng xa cách một tấm trần cũng xa.*

(Ca dao)

Ngày xưa, một người bình thường (không phải quan lớn hay sĩ tử lai kinh ứng thí) mà đi ra tới Huế là chuyện không phải bình thường, sẽ trở thành kỳ tích và được dân gian truyền tụng. Chẳng hạn như chuyện ông già Ba Tri (Thái Hữu Kiêm) ra tới kinh đô Huế để khiếu kiện vào thời Minh Mạng hay chuyện bà Nguyễn Thị Tồn (phu nhân của Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa) ra tận kinh đô Huế đánh trống kêu oan cho chồng vào thời Tự Đức. Ông già Ba Tri trở thành biểu tượng của dân Nam Bộ về tính cương trực, kiên cường, không dễ khuất phục. Bà Nguyễn Thị Tồn trở thành biểu tượng của liệt nữ đất phương Nam trung trinh tiết liệt với chồng, tạo cảm hứng để nhà văn Hoài Anh viết thành tiểu thuyết lịch sử *Bùi Hữu Nghĩa - mối duyên vàng đá*.

2. Tâm thức Huế qua phong tục, ngôn ngữ và văn học nghệ thuật

Theo truyền thống, người dân Nam Bộ làm nhà có cửa quay về hướng Nam nên bàn thờ cũng quay về hướng Nam. Khi cúng kiếng, người ta quay mặt về hướng Bắc (Huế)⁽¹²⁾ là hướng cội nguồn để khấn bái. Khi đó, trên bàn thờ bài trí như sau: bình hoa ở phía đông (để nhận được nhiều ánh mặt trời giúp hoa nở tốt) còn đĩa trái cây ở phía tây, gọi là nguyên tắc “đông bình tây quả”. Sau đó, khi kênh rạch được khai thông thì phần lớn người dân phải cất nhà quay mặt ra kênh rạch. Nhiều nhà không thể quay cửa về hướng Nam được nữa nhưng cách bài trí bàn thờ theo nguyên tắc “đông bình tây quả” vẫn không thay đổi. Khi đó, đông được hiểu là phía tay phải, tây là phía tay trái của người đứng đối diện bàn thờ. Tại các thánh thất Cao Đài, cổng/ nhà Đông lang và Tây lang cũng được bố trí theo nguyên tắc:

Đông lang nằm bên phải (hướng từ cổng nhìn vào), Tây lang nằm bên trái. Việc bảo lưu nguyên tắc này cho thấy người ta vẫn luôn hoài niệm về Huế như cái thuở vừa mới định cư.

Trong quan niệm của dân gian Nam Bộ, Huế là nơi rất xa, nơi kinh thành hoa lệ, gắn chặt với nguồn cội tổ tiên. Đặc biệt, Huế gắn với các chúa Nguyễn, người đã có công mở đất phương Nam để cư dân nơi đây sinh cơ lập nghiệp. Chính vì vậy mà năm 1777, một vị thiếu niên hoàng tộc người Huế là Nguyễn Ánh bị Tây Sơn truy sát, phải chạy vào Nam, mặc dù chỉ mới 15 tuổi nhưng nhờ vào tình cảm và sự ngưỡng vọng của dân chúng Đồng Nai - Gia Định đối với chúa Nguyễn mà có thể dễ dàng thu phục được đạo quân Đông Sơn lừng lẫy để làm lực lượng kháng cự Tây Sơn và khôi phục đất Gia Định.

Suốt mấy trăm năm, Huế ví như là vùng “thánh địa” mà cư dân Nam Bộ chính là các “tín đồ” thuần thành, luôn ước mơ được một lần “hành hương” chốn kinh đô.⁽¹³⁾ Do đó, đối với họ, một đấng nam nhi kiêu mầu phải là người:

*Làm trai cho đáng nên trai,
Phú Xuân cũng trái, Đồng Nai cũng từng.*

(Ca dao)

Khi Nam Bộ bị giặc Pháp giày xéo, Huế là nơi người dân gửi gắm niềm tin để thêm quyết tâm chống trả quân xâm lược:

*Mây giăng ải bắc⁽¹⁴⁾ trông tin nhận,
Ngày xé non nam bật tiếng hồng.*

(Nguyễn Đình Chiểu - Ngóng gió đông)

*Ái Bắc ngày trông tin nhận vắng,
Thành Nam đêm quạnh tiếng quyên sầu.*

(Nguyễn Đình Chiểu - Điếu Phan Thanh Giản)

Khi yêu đương thê nguyên, họ cũng không quên dùng hình tượng chùa Thiên Mụ đất Thần kinh để tượng trưng cho lòng thủy chung son sắt:

*Bao giờ cạn lạch Đồng Nai,
Nát chùa Thiên Mụ mới phai lời nguyên.*

(Ca dao)

Trên bước đường Nam tiến, có những lúc lạc loài, họ vẫn không quên nương tựa vào nhau, bất chấp không hề bà con thân thích, bởi dù sao cũng cùng chung một nguồn cội xứ Huế:

*Rồng châu xứ Huế,
Ngựa tể Đồng Nai.
Nước sông trong chảy lộn sông ngoài,
Thương người xa xứ lạc loài tới đây.*

(Ca dao)

Do tâm thức luôn nhớ về cội nguồn xứ Huế nên trong các bài hát ru Nam Bộ và ca dao Nam Bộ nói chung thường nhắc đến Huế. Chúng tôi sưu tập được 19 câu có cụm từ “ngoài Huế”, chẳng hạn:

- *Anh về, em chẳng dám cầm,
Dang tay đưa bạn, ruột bầm như dưa.
Anh về ngoài Huế lâu vô,
Vẽ tranh họa đồ để lại cho em.
Anh về, em túm vạt áo em la làng,
Bỏ chữ thương, chữ nhớ lại giữa đàng cho em.*
- *Rượu ngon ngoài Huế đem về,
Dầu anh không uống, vợ kẻ cũng say.*
- *Trời mưa dầm dề cây khế,
Em cảm thương người ngoài Huế mới vô .*
- *Yêu nhau từ thuở má hồng,
Đến khi má tóp lưng còn vẫn yêu.
Phải non duyên cây khế mọc ngoài Huế cũng bứng về trồng,
Không phải nhân duyên cây cúc mọc vườn hồng cũng chẳng ham.*

Ngoài ra, ở Nam Bộ cũng rất phổ biến nhiều dị bản của bài *Lý chiều chiều*, thể hiện nỗi nhớ nhung cố quán của những người con ly hương nơi đất phương Nam với hình ảnh cây ngô đồng ở miền Trung:

*Chiều chiều ra đứng Tây lầu Tây,
Tây lầu Tây, thấy cô tang tình mà gánh nước
Tưới cây, tưới cây ngô đồng...
Ai í xui trong lòng, trong lòng xót thương.
Thương cô tưới cây ngô đồng.*

*Chiều chiều ra đứng bên dòng sông,
Sông dòng sông, thấy cô tang tình khuấy nước,*

Đẩy đưa, đẩy đưa con đồ...

Thương, cứ thương trong lòng, con đồ sang sông.

Mênh mông nước trôi xuôi dòng...

Trong các thế kỷ trước ở Nam Bộ có nhiều vị thầy Nho từ miền Trung vào lập nghiệp, làm nghề dạy chữ Nho kiêm thầy thuốc và *coi ngày*,⁽¹⁵⁾ được dân địa phương trân trọng gọi là **thầy Huế**, mặc dù các vị này có thể ở xứ Quảng. Dân Nam Bộ gọi tên các ông thầy này bằng công thức “*thầy Huế + tên riêng*” rất trân trọng. Suốt mấy trăm năm, các vị này đã đóng vai trò là người hướng dẫn tinh thần cho quảng đại quần chúng ở Nam Bộ vốn thường ít học nhưng rất tôn trọng trí thức.

Đặc biệt, đến năm 1908, nổ ra *Phong trào chống thuế* ở Trung Kỳ (*Trung Kỳ dân biến*), do các lãnh tụ của Phong trào Duy Tân lãnh đạo. Thực dân Pháp ra tay đàn áp, các lãnh tụ phong trào đều bị bắt, người bị xử tử, kẻ bị lưu đày... Một số người may mắn trốn thoát chạy vào Nam mai danh ẩn tích. Do đó, đầu thế kỷ XX ở Nam Bộ có thêm một lực lượng đáng kể các vị **thầy Huế**. Họ mang theo không chỉ vốn Nho học và nghề thuốc mà cả tinh thần ái quốc và chí khí kẻ sĩ để trao truyền cho dân Nam Bộ. Nhờ vậy mà dân Nam Bộ thường vốn ít học nhưng lại thích nói Nho, có khuynh hướng bảo hoàng, trọng thánh hiền, mê truyện Tàu, rành điển tích và thích các điệu hát *muối*.

Nếu như các ông **thầy Huế** nói trên đã góp phần to lớn trong việc xây dựng nên đời sống tinh thần và văn hóa phi vật thể cho cư dân Nam Bộ thì các ông **thợ Huế** lại có đóng góp không nhỏ về văn hóa vật thể cho cư dân Nam Bộ. **Thợ Huế** là danh từ của dân Nam Bộ dùng để những người thợ từ miền Trung vào làm các nghề xây cất, nghề mộc, chạm khắc... Đặc biệt, trong các thế kỷ trước, các công trình kiến trúc lớn (thường bằng gỗ) ở Nam Bộ như dinh thự, công sở, nhà cửa quy mô lớn đều phải nhờ các toán thợ Huế vào làm. Có nhiều chủ nhà ở Nam Bộ nuôi cả toán thợ Huế hàng mấy năm trời để xây cất và chạm khắc trang trí nhà cửa.

Về đẳng cấp, tay nghề của thợ Huế luôn cao hơn thợ Nam nên mặc dù phải trả chi phí cao hơn, người ta vẫn phải mời cho được thợ Huế vào làm để đảm bảo chất lượng công trình. Do đó mà thuật ngữ kiến trúc dân gian ở Huế và Nam Bộ nhìn chung là giống nhau.

Suốt mấy trăm năm, Nam Bộ với Huế và miền Trung nói chung liên lạc nhau chủ yếu bằng phương tiện *ghe bầu* đi biển. Do đó, ở Nam Bộ, chiếc ghe bầu chính là biểu tượng của Huế và miền Trung. Trong các đám cúng *việc lễ* (giỗ họ) ở Nam Bộ luôn có nghi thức tống tiễn ghe bầu. Người ta dùng bập dừa, bẹ chuối hay các vật liệu nhẹ kết thành mô hình chiếc ghe bầu, bên trên có kết hình nhân cầm chèo, trong khoang có gạo muối, vài loại bánh rồi thả xuống sông rạch với ý nghĩa tống tiễn ông bà tổ tiên trở về quê cũ ở miền Trung.



Hình 4: Các thức cúng việc lễ họ Lê, xã Tân Hòa Thành, Tân Phước, Tiền Giang, có mô hình chiếc ghe bầu. Ảnh: Lê Công Lý.

Đi ghe bầu từ Huế và miền Trung nói chung vào Nam Bộ phải mất hàng tháng trời lênh đên trên biển với bao nguy hiểm rình rập. Có người bị chìm ghe chết đuối, có người bị cướp biển sát hại, có người chết vì bệnh, xác phải quăng xuống biển, có người bị lạc đường mất tích... Những trường hợp “có đi mà không có đến” như vậy thì dân gian Nam Bộ coi như đã “đi theo” Thủy đội Trường Sa⁽¹⁶⁾ và lấy ngày ra đi làm ngày giỗ, gọi là *cúng Thủy đạo Trường Sa*.

Dân đi biển trong các thế kỷ trước ai cũng thuộc lầu 2 bài *Về thủy trình/ Về các lái* với bản “Hát vô” và bản “Hát ra” dài đến 356 câu thơ lục bát miêu tả thủy trình và kinh nghiệm đường biển từ Huế vào Sài Gòn và ngược lại:

*Bắt từ Gia Định kể ra,
Anh em Thuận Hòa⁽¹⁷⁾ ngoài Huế kể vô.*

Do có cảm tình sâu nặng với Huế và miền Trung nên dân Nam Bộ cũng rất yêu quý hình ảnh chiếc ghe bầu. Chúng tôi sưu tập được 15 câu ca dao Nam Bộ có nhắc tới ghe bầu, chẳng hạn:

- Con quạ nó đứng đầu cầu,
Nó kêu bớ má **ghe bầu** vô chưa?
- Con ơi chớ khóc mẹ rầu,
Bữa mai bữa mốt **ghe bầu** tới nơi.
- Chim quên đậu lái **ghe bầu**
Miệng kêu bớ Bả xuống cầu trao thơ.

Chính nhờ mối liên hệ tuy xa xôi nhưng khăng khít đó mà đời sống tinh thần và văn nghệ ở Nam Bộ có nhiều nét tương đồng với Huế. Chẳng hạn, đây là bài hát ru ở Huế:

*Ru con, con théc cho muối,
Để mẹ đi chợ mua vôi ăn trầu.
Mua vôi chợ Quán chợ Cầu,
Mua cau Nam Phổ, mua trầu chợ Dinh.*

Vào đến Nam Bộ, các bà các chị chỉ sửa lời đôi chút:

*Ru con, con ngủ cho muôi,
Để mẹ đi chợ mua vôi ăn trầu.
Mua vôi chợ Quán chợ Cầu,
Mua cau chợ Vải, mua trầu chợ Dinh.*

Hay như câu hát huê tình ở Huế và Nam Trung Bộ:

*Cục đá lăn nghiêng lăn ngửa,
Em cũng sửa cho cục đá lăn tròn.
Giận anh nói vậy, chớ dạ em còn thương anh!*

Vào đến Nam Bộ nó được sáng tạo thêm nhiều cảnh huống để cho thấy rõ hơn tấm lòng son sắt của đôi lứa yêu nhau:

*Cục đá lăn nghiêng lăn ngửa,
Tôi gơ tay tôi sửa cho nó lại lăn đùng.
Tôi coi không xứng, tôi sửa nó lại lăn đẹp,
Tôi thấy nó không đẹp, tôi sửa cho nó lại lăn tròn.
Này bạn mình ơi,
Giận thời anh nói vậy,
Chớ dạ anh vẫn còn thương em!*

Đặc biệt, bài “Lý ngựa ô” vốn xuất phát từ đất Huế (“*Ngựa ô anh thắng kiệu vàng/ Anh tra khớp bạc đưa nàng về dinh*”) lại được truyền bá hết sức mạnh mẽ vào Nam Bộ với 15 bản khác nhau với nhiều tiếng đệm âm, đệm nghĩa, tiếng láy đưa hơi ít nhiều biến hóa.⁽¹⁸⁾

Nhưng quan trọng hơn, có một loại hình nghệ thuật vô cùng nổi tiếng, được xem là đặc trưng của văn hóa Nam Bộ là **đờn ca tài tử**, lại có nguồn gốc từ các điệu ca Huế.

Thật vậy, ông tổ của đờn ca tài tử Nam Bộ – nhạc sư Ba Đợi/ Nguyễn Quang Đại – vốn là một nhạc quan của cung đình Huế từng hưởng ứng phong trào Cần vương, sau đó đi vào Nam vào cuối thế kỷ XIX và truyền dạy nhạc Huế phối hợp với các câu hò điệu lý Nam Bộ làm nên loại hình đờn ca tài tử độc đáo. Chính cái *căn cước ly hương* đó làm nên âm hưởng u buồn chủ đạo của không chỉ đờn ca tài tử mà cả nghệ thuật cải lương sau đó.⁽¹⁹⁾

Nhưng trước đó cũng phải kể đến vai trò của các nhà Nho đất Gia Định ra Huế thi Hội đã tiếp thu nhạc Huế và truyền bá vào Nam làm nên khúc dạo đầu cho đờn ca tài tử. Tiêu biểu là Tiến sĩ Phan Hiển Đạo, người đất Vĩnh Kim, nay thuộc

huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Ông là nhà Nho nhưng say mê âm nhạc. Ông đã đem nhạc Nam ra Huế giới thiệu và tiếp thu nhạc Huế về phổ biến lại tại quê nhà. Chính nhờ ông mà đất Vĩnh Kim một thời được mệnh danh là cái nôi phát tích đờn ca tài tử Nam Bộ. Trong *Điều cổ hạ kim thi tập* (1915), Nguyễn Liên Phong có nhắc đến ngón đờn của Tiên sĩ Phan Hiên Đạo: “*Lúc ngài ra Huế học cử nghiệp, thì có học đặng điệu đờn Huế cũng nhiều, đến khi thi đậu rồi, vua ban cờ, biển, áo mào cho về vinh quy..., tác thành môn đệ đông người...*

*Khúc đờn Lưu thủy trôi dòng bích,
Mà giọng kìm tranh điệu Huế còn”.*⁽²⁰⁾

3. Vài nhận xét

“*Cây có cội, nước có nguồn*” là cách nghĩ bình thường phổ biến của con người. Người Việt ở Nam Bộ có gốc gác trực tiếp ở miền Trung – nơi có Huế là thủ phủ – nên lẽ dĩ nhiên họ xem Huế là quê cha đất tổ. Trải qua nhiều thế hệ, ý thức đó dần trở thành vô thức gắn với tình cảm của cả cộng đồng và biểu hiện ra ở nhiều khía cạnh, từ việc tái sử dụng các địa danh cũ của Huế cho tới việc bảo lưu một phần các phong tục tập quán của đất Huế. Đặc biệt, Huế thường được nhắc nhớ với tình cảm thiết tha qua kho tàng ca dao và văn học nghệ thuật Nam Bộ như là ký ức của lưu dân.

Ở Nam Bộ rất thường nghe hai danh từ *Bắc Kỳ* và *Nam Kỳ* nhưng rất hiếm khi nghe danh từ Trung Kỳ, bởi lẽ trong tâm thức của họ, người Nam Bộ không thấy có khoảng cách về căn cước giữa mình và miền Trung. Thay vào đó, họ gọi miền Trung là *ngoài Huế/xứ Huế* hàm nghĩa tuy xa xôi về địa lý nhưng có sợi dây thân thiết về tình cảm và gốc gác ông bà.

Chính *ký ức lưu dân* đó giúp dân Nam Bộ bước vào môi trường mới tuy năng động với nhiều mối giao lưu nhưng vẫn không quên nguồn cội. Nhờ đó mà dân Nam Bộ có được phong cách sống hài hòa giữa cũ và mới; trong và ngoài, phương Đông và phương Tây; của ta và của người; bảo tồn và phát huy..., làm nên bức tranh văn hóa Nam Bộ tuy đa dạng, sáng tạo mà không lai tạp, mất gốc.

L C L

CHÚ THÍCH

- (1) *Ra đi là sự đánh liều,
Đại như con trẻ chơi diều đứt dây.* (Ca dao).
- (2) Bài *Hành phương Nam* của Nguyễn Bính, do đó, từ hơn nửa thế kỷ nay đã gây xao xuyến biết bao tâm hồn người dân đất phương Nam:
*Quê nhà xa lắc xa lơ đó,
Ngoảnh lại tha hồ mây trắng bay.*
- (3) Trường ca *Đất nước* của Nguyễn Khoa Điềm.

- (4) Thời điểm xuất hiện tại Nam Bộ.
- (5) Đây là niên đại của tài liệu ghi nhận địa danh này.
- (6) Phường Bình Trị Đông, Phường Bình Trị Đông A, Phường Bình Trị Đông B.
- (7) Phong Điền trước hết là tên chợ:

*Cái Răng, Ba Láng, Vàm Xáng, Phong Điền,
Anh có thương em thì cho bạc cho tiền,
Chứ đừng cho lúa gạo xóm giềng cười chê. (Ca dao).*

Cái Răng, Ba Láng, Vàm Xáng, Phong Điền là tên 4 ngôi chợ.

- (8) Theo Lê Hữu Uy trong “Làng Nhơn Ái 200 năm khai khẩn”, vào đầu thế kỷ XIX có hai dòng họ ông Lê Tam và ông Trần Văn Chiến từ huyện Phong Điền, Thừa Thiên đến đây lập thôn Nhơn Ái. <http://www.ptgtdusa.com/id1623.html>, truy cập ngày 10/7/2016.
- (9) *Thuộc* là đơn vị hành chính sơ khai (tương đương *tổng*) ở những vùng mới khai phá thời chúa Nguyễn.
- (10) Trường biệt nạp (1741 - 1779) là các kho lúa thu thuế, nạp riêng, tính riêng ở những vùng còn hoang vu, do người Hoa làm cai thầu và nộp thẳng lên kho Quân Thảo thuộc dinh Điều Khiển đặt tại Bến Nghé. Đương thời ở vùng đất Đồng Nai - Gia Định có 9 trường biệt nạp là: Quân Thảo, Hoàng Lạp, Tân Thạnh, Cảnh Dương, Thiên Mục, Tam Lạch, Bả Canh, Quy An, Quy Hóa.
- (11) Theo “Địa bạ Minh Mạng” (1836), thôn Mỹ Lộc, tg. Lộc Thành Thượng, h. Phước Lộc, p. Tân An, t. Gia Định, có hơn 959 mẫu trong tổng số hơn 1.000 mẫu ruộng thuộc *Thiên Mục điền*.
- (12) Như đã nói ở phần trên, trong suốt mấy trăm năm, tư duy về hướng Bắc của cư dân Nam Bộ chỉ đến Huế là hết, nên các tỉnh từ Quảng Trị trở ra họ cũng gọi là *Huế*.
- (13) Trong tiểu thuyết danh nhân “Tuổi xanh Nguyễn Đình Chiểu” của Thái Vũ (Nxb Trẻ, 2000, tr. 204 - 208) có chương cuối mang tên *Về Huế*, miêu tả tâm trạng náo nức của cậu bé Nguyễn Đình Chiểu khi được cha chuẩn bị cho về Huế:

“Về Huế!

Về Huế!

Nguyễn Đình Chiểu không thể ngờ được khi nghe hai tiếng đó từ miệng cha, ông Nguyễn Đình Huy.

Về Huế!

Chiểu như uống chung rượu ngọt ngào, thấm đậm từ hai tiếng đó. Cậu ngây ngất trong hơi men của quê cha, quê nội.

Huế! Huế rộn rã trong lòng cậu với con Sông Hương mà cậu chưa thể hình dung nổi, với núi Ngự Bình mà cậu nghĩ là cao vời vợi.[...]

Về Huế! Hai tiếng đó đã lôi cuốn mọi sự suy tư của Chiểu. Huế! Quê hương. [...]

Con sinh ra và lớn lên ở đất Gia Định này. Nhưng Huế, Huế vẫn là quê hương...”.

Tâm trạng đó không riêng của Nguyễn Đình Chiểu mà chính là tâm thức chung của cư dân Nam Bộ.

- (14) *Bắc* ở đây phải hiểu là Huế, vì đây là hai câu thơ trong bài “Ngóng gió đông”, bày tỏ tâm trạng lòng dân Nam Bộ đang trông chờ quân triều đình Huế vào Nam dẹp giặc Pháp.

- (15) Ở Nam Bộ, coi ngày chỉ phong tục chọn lựa ngày tốt để tiến hành những việc quan trọng như: xuất hành, cưới gả, dựng nhà, khai trương, v.v.
- (16) *Thủy đội Trường Sa* là đội quân của các chúa Nguyễn có trách nhiệm khai thác các nguồn lợi trên quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa. Họ thường có đi mà không có về nên hàng năm được chính quyền và dân cư đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi) tổ chức cúng lễ *Khao lễ thế lính Trường Sa/ Hoàng Sa*.
- (17) Làng Thuận Hòa, tg. Vĩnh Trị, h. Hương Trà (1886).
- (18) Theo Lư Nhất Vũ - Lê Giang (1983), *Tìm hiểu dân ca Nam Bộ*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 376 - 385.
- (19) Đặc biệt, trong 20 bản tổ của đờn ca tài tử Nam Bộ có 3 bài *Nam* (Nam xuân, Nam ai, Đảo ngũ cung) mang giọng nhạc trầm buồn ai oán. Nhạc sĩ đờn 3 bài này thì day mặt về hướng Nam. Theo <http://tranquanghai.info/p3131-cac-bai-ban-to-20-ban-to-cua-co-nhac-tai-tu-vn.html>, truy cập ngày 04/7/2016.
- (20) Nguyễn Liên Phong (1915, tái bản 2013), *Điều cổ hạ kim thi tập*, Cao Tự Thanh chỉnh lý và giới thiệu, Nxb Văn hóa - Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 69.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chu Sa Lan, “Ông thầy Huế”, <http://vnthuquan.net>.
2. Cổ Mộ (2016), “Ngon nguồn bi cảm của vọng cổ”, *Kiến thức ngày nay*, số 879, ngày 10/01/2015.
3. Đỗ Bang chủ biên (2013), *Địa chí Thừa Thiên Huế*, Phần Dân cư và Hành chính, Nxb Thuận Hóa, Huế.
4. Hồ Trung Tú (2011), “Có 500 năm như thế (Bản sắc Quảng Nam từ góc nhìn phân kỳ lịch sử)”, Nxb Thời đại, Hà Nội, <http://e-cadao.com>.
5. Lê Công Lý (2010), “Dấu ấn Nam tiến qua một số từ chỉ hướng trong tiếng Việt”, trong *Thành phố Hồ Chí Minh hướng về 1000 năm Thăng Long - Hà Nội*, Nhiều tác giả, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 10/2010.
6. Lê Hồng Chương (2007), *Từ điển đơn vị hành chính Việt Nam*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
7. Lê Trung Hoa (2015), *Từ điển địa danh Nam Bộ* (bản thảo).
8. Lư Nhất Vũ - Lê Giang (1983), *Tìm hiểu dân ca Nam Bộ*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
9. Nguyễn Đình Đầu (1994), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn: Gia Định*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
10. Nguyễn Đình Đầu (1997), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn: Thừa Thiên*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
11. Nguyễn Đình Tư (2008), *Từ điển địa danh hành chính Nam Bộ*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Nguyễn Lê Tuyên - Nguyễn Đức Hiệp (2013), *Hát bội, đờn ca tài tử và cải lương cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX*, Nxb Văn hóa - Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh.
13. Nguyễn Liên Phong (1915, tái bản 2013), *Điều cổ hạ kim thi tập*, Cao Tự Thanh chỉnh lý và giới thiệu, Nxb Văn hoá - Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh.
14. Nguyễn Thanh Lợi (2014), *Ghe bầu Nam Trung Bộ và ghe xuồng Nam Bộ*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

15. Nguyễn Văn Xuân (1967, tái bản 2002), “Khi những lưu dân trở lại”, trong *Tuyển tập Nguyễn Văn Xuân*, Nxb Đà Nẵng.
16. Thái Vũ (1986, tái bản 2000), *Tuổi xanh Nguyễn Đình Chiểu*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

TÓM TẮT

Cư dân Nam Bộ có nguồn gốc lưu dân từ miền Trung, nơi có Huế là thủ phủ. Do đó, Huế thường được nhắc đến ở Nam Bộ với tình cảm sâu nặng như là quê cha đất tổ. Điều này thể hiện qua hàng loạt địa danh trên đất Huế được lặp lại ở Nam Bộ. Ngoài ra, yếu tố Huế cũng thể hiện rất rõ qua phong tục, ngôn ngữ và nghệ thuật Nam Bộ mà rõ nét nhất là nghệ thuật đờn ca tài tử.

Chính ký ức lưu dân đó giúp Nam Bộ có phong cách sống hài hòa giữa cũ và mới, trong và ngoài, phương Đông và phương Tây, của ta và của người, bảo tồn và phát huy..., làm nên bức tranh văn hóa Nam Bộ tuy đa dạng, sáng tạo mà không lai tạp, mất gốc.

ABSTRACT

HUÉ IN SOUTHERNERS' MINDS OR MEMORY OF THE EMIGRANTS

Most of residents of Southern Vietnam originated from the Central Vietnam where Hue was the capital. Therefore, they often think of Hue with deep feelings as the land of their ancestors. This is reflected in a series of place names in Hue repeated in the South. Besides, the features of Hue are clearly seen in the customs, language and art of the South, the most obvious is the southern amateur music.

It is the memory of the emigrants that helps the South to have a harmonious life style between old and new, in and out, East and West, one's and another's possession, preservation and promotion, etc.. which create a cultural identity for the South, diverse and creative but not miscellaneous and aracial.